

BỘ TÀI CHÍNH
Số: 84/TC-CĐKT

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Hà Nội, ngày 23 tháng 10 năm 1993

THÔNG TƯ

Hướng dẫn thực hiện công tác

kế toán đối với các xí nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài

Thi hành Luật đầu tư nước ngoài tại Việt Nam và Nghị định số 18/CP ngày 16-4-1993 của Chính phủ quy định chi tiết việc thi hành Luật đầu tư nước ngoài tại Việt Nam. Bộ Tài chính hướng dẫn việc thực hiện công tác kế toán trong các xí nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài và các bên nước ngoài tham gia Hợp đồng hợp tác kinh doanh hoạt động dưới các hình thức quy định trong Luật đầu tư như sau:

I. NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

1. Tất cả các xí nghiệp liên doanh, xí nghiệp 100% vốn nước ngoài, bên nước ngoài hợp doanh và xí nghiệp chế xuất (dưới đây gọi tắt là xí nghiệp) hoạt động trên lãnh thổ nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam phải thực hiện công tác kế toán theo Pháp lệnh kế toán - thống kê ngày 10-5-1988 và theo những quy định của Thông tư này.

2. Công tác kế toán của các xí nghiệp phải đảm bảo tính trung thực, hợp lệ, chính xác, kịp thời và liên tục trong việc:

Phản ánh số hiện có và tình hình biến động của các loại tài sản, tiền vốn và nguồn vốn hình thành vốn kinh doanh.

Phản ánh các khoản chi phí, giá thành sản phẩm, dịch vụ, các khoản doanh thu và lợi tức hoạt động kinh doanh của xí nghiệp.

Phản ánh tình hình thực hiện các luật thuế Việt Nam và các nghĩa vụ khác theo giấy phép đầu tư.

3. Xí nghiệp thực hiện công tác kế toán theo chế độ kế toán hiện hành của nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam hoặc có thể theo một chế độ kế toán khác do xí nghiệp tự chọn nhưng phải tuân thủ các chuẩn mực và nguyên tắc kế toán quốc tế phổ biến và được Bộ Tài chính chấp thuận bằng văn bản trước khi thực hiện.

4. Các xí nghiệp phải trình Bộ Tài chính hồ sơ đăng ký chế độ kế toán bao gồm:

4.1. Công văn đăng ký chế độ kế toán (theo mẫu phụ lục số 1).

4.2. Giấy phép đầu tư (bản sao).

4.3. Nếu áp dụng chế độ kế toán Việt Nam thì phải xác định rõ chế độ kế toán của ngành hoạt động (công nghiệp, XDCCB, thương nghiệp, dịch vụ, nông nghiệp ...).

4.4. Nếu áp dụng chế độ kế toán nước ngoài cần phải gửi kèm theo các tài liệu sau:

Bảng kê chứng từ kế toán áp dụng, kèm theo mẫu chứng từ.

Bảng kê tài khoản kế toán áp dụng, kèm theo giải thích về nội dung, phương pháp ghi chép của tài khoản, giải thích về mối quan hệ giữa các tài khoản: sơ đồ kế toán tổng quát về sử dụng hệ thống tài khoản.

Danh mục sổ kế toán, kèm theo mẫu sổ, giải thích phương pháp ghi chép và mối quan hệ giữa các loại sổ.

Danh mục báo cáo kế toán, kèm theo mẫu, giải thích phương pháp ghi các chỉ tiêu trong báo cáo.

4.5. Chứng chỉ về nghiệp vụ kế toán của kế toán trưởng.

5. Trong thời hạn 180 ngày, kể từ ngày xí nghiệp được cấp giấy phép đầu tư, xí nghiệp phải gửi hồ sơ đăng ký chế độ kế toán đến Bộ Tài chính. Nếu vì lý do nào đó, xí nghiệp chưa thể đăng ký chế độ kế toán được thì phải gửi công văn cho Bộ Tài chính nêu rõ lý do.

6. Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận được hồ sơ đăng ký chế độ kế toán của xí nghiệp, Bộ Tài chính sẽ có ý kiến chính thức bằng văn bản đối với chế độ kế toán đó.

Trường hợp hồ sơ đăng ký chế độ kế toán của xí nghiệp không đầy đủ, không rõ ràng, Bộ Tài chính sẽ yêu cầu xí nghiệp giải thích và cung cấp thêm tài liệu cần thiết về chế độ kế toán đã đăng ký. Thời gian chờ xí nghiệp giải thích và cung cấp thêm tài liệu không tính vào thời hạn trả lời của Bộ Tài chính đã nêu ở trên.

7. Xí nghiệp hoạt động trong các khu chế xuất tại Việt Nam gửi hồ sơ đăng ký chế độ kế toán sẽ áp dụng cho Ban quản lý khu chế xuất nơi xí nghiệp hoạt động theo các nội dung quy định ở điểm 4, 5 nêu trên.

8. Bên nước ngoài tham gia hợp đồng hợp tác kinh doanh tại Việt Nam thực hiện công tác kế toán theo chế độ kế toán đang áp dụng và phải đăng ký chế độ kế toán đó với Bộ Tài chính theo quy định tại điểm 3 nêu trên. Trong thời gian thực hiện hợp đồng, thanh lý hợp đồng và tranh chấp hợp đồng sau này phải có đủ tài liệu kế toán cần thiết về các hoạt động tại Việt Nam để các cơ quan chức năng Việt Nam kiểm tra và xử lý tranh chấp theo luật định.

9. Trong quá trình hoạt động, các xí nghiệp có thể thay đổi chế độ kế toán đang áp dụng. Trong trường hợp này xí nghiệp phải trình bày rõ lý do thay đổi và làm thủ tục đăng ký lại và phải được Bộ Tài chính chấp thuận trước khi chuyển đổi. Việc thay đổi chế độ kế toán chỉ thực hiện ở đầu niên độ kế toán.

10. Công tác kế toán của các xí nghiệp phải chịu sự kiểm tra, giám sát của cơ quan tài chính Việt Nam.

11. Việc ghi chép trên chứng từ kế toán, sổ và báo cáo kế toán của xí nghiệp được thực hiện bằng chữ số Ả Rập và bằng tiếng Việt Nam và một tiếng nước ngoài thông dụng được Bộ Tài chính chấp thuận và phải được ghi trong Điều lệ của xí nghiệp.

12. Việc ghi chép kế toán, về giá trị, sử dụng đơn vị tiền tệ là đồng Việt Nam hoặc có thể sử dụng một đơn vị tiền tệ nước ngoài do xí nghiệp đề nghị và được Bộ Tài chính chấp thuận. Trường hợp trên chứng từ kế toán ghi bằng đơn vị tiền tệ khác thì phải quy đổi ra đơn vị tiền tệ đã chọn theo tỷ giá mua vào do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ.

Về hiện vật, phải sử dụng các đơn vị đo lường chính thức ở Việt Nam. Trường hợp trên chứng từ kế toán đã được ghi bằng đơn vị đo lường khác thì phải quy đổi ra đơn vị đo lường chính thức để ghi chép kế toán.

13. Niên độ kế toán của xí nghiệp tính theo năm dương lịch, bắt đầu ngày 1-1 và kết thúc ngày 12-12.

Kỳ kế toán trong niên độ kế toán là:

Tháng, tính từ ngày 01 đến hết ngày cuối cùng của tháng.

Quý, tính từ ngày 01 tháng đầu quý đến hết ngày cuối cùng của tháng cuối quý.

Việc áp dụng niên độ kế toán khác phải được Bộ Tài chính chấp thuận.

Niên độ kế toán đầu tiên của xí nghiệp được tính từ ngày xí nghiệp được cấp giấy phép đầu tư đến hết ngày cuối của niên độ kế toán đó.

14. Xí nghiệp phải có bộ máy kế toán độc lập và bố trí đủ cán bộ kế toán theo chức danh tiêu chuẩn quy định cho cán bộ kế toán. Cán bộ kế toán được đảm bảo quyền độc lập về chuyên môn nghiệp vụ. Đứng đầu bộ máy kế toán là kế toán trưởng do Hội đồng quản lý lựa chọn và bổ nhiệm. Kế toán trưởng chịu trách nhiệm chỉ đạo toàn bộ công tác kế toán, thống kê, phân tích hoạt động kinh tế, đồng thời có nhiệm vụ kiểm tra, kiểm soát kinh tế tài chính ở xí nghiệp.

Kế toán trưởng và cán bộ kế toán của xí nghiệp phải là những người được đào tạo về chuyên ngành tài chính kế toán và có chứng chỉ hoặc văn bằng tốt nghiệp hợp lệ về chuyên ngành này.

15. Số liệu, tài liệu kế toán là căn cứ pháp lý để đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh, thực hiện nghĩa vụ với Nhà nước Việt nam và các bên đầu tư, liên doanh của xí nghiệp.

II. NHỮNG QUY ĐỊNH CỤ THỂ

1. Công tác kế toán của xí nghiệp gồm các nội dung: lập, luân chuyển và xử lý chứng từ ban đầu; ghi sổ kế toán (sổ kế toán tổng hợp và chi tiết); lập báo cáo kế toán; thực hiện kiểm soát nội bộ và lưu trữ tài liệu kế toán.

2. Chứng từ kế toán:

Chứng từ kế toán gồm chứng từ gốc và chứng từ ghi sổ. Chứng từ gốc là căn cứ pháp lý phản ánh các nghiệp vụ kinh tế tài chính đã thực hiện. Chứng từ ghi sổ là căn cứ ghi sổ kế toán.

Mọi hoạt động kinh tế phát sinh ở xí nghiệp đều phải lập chứng từ ban đầu (chứng từ gốc). Chứng từ ban đầu được lập một lần cho một nghiệp vụ và phải đảm bảo tính trung thực, hợp lệ, hợp pháp, hợp lý phản ánh các nội dung kinh tế tài chính phát sinh ở xí nghiệp và phải theo đúng mẫu biểu quy định của Nhà nước.